

## Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

L'Asie nouvelle. — Deux personnalités.  
Deux œuvres <sup>(1)</sup>

Đất Á-châu mới — Hai nhân-vật — Hai sự-nghiệp

## II

## Rabindranath Tagore

## Ông Rabindranath Tagore

Le nom de Rabindranath Tagore est devenu presque populaire; il est au moins fort connu chez nous, quoique la France soit le pays le plus rébelle à ses œuvres; car les pays de culture germanique ont lu avec beaucoup plus d'intérêt que nous les œuvres de ce grand poète. Il y a peut-être dans son talent et dans le mysticisme indien des traits de génie qui ne sont pas en harmonie avec le besoin absolu de clarté et de précision parfois un peu sèches que nous avons chez nous. On l'a vu passer ici, on connaît sa physionomie, on sait qu'il est une merveille de beauté; je vous montrerai tout à l'heure des images de lui qui sont saisissantes.

Tagore est un homme sur qui la fortune semble avoir pris plaisir à accumuler tous ses dons, sans lui en marchander un seul. J'ai rencontré beaucoup de personnages dans ma vie; je n'en ai jamais rencontré qui fût doué au même degré.

Comme poète, vous avez pu l'apprécier dans les traductions; malheureusement — je m'en excuse, si quelque traducteur assistait par hasard à cette causerie — il faut se rappeler le vieux dicton: *Traduttore traditore*. Comme les plus grands poètes, il a au plus haut degré l'invention verbale et l'invention mélodique, deux choses qu'aucune traduction ne peut rendre.

Tên ông RABINDRANATH TAGORE đã thành gần như phổ-thông; ở nước Pháp tuy ít người đậm sách vở của ông, nhưng cũng nhiều người biết tiếng ông lắm. Các nước theo về giòng văn-hóa Nhật-nhĩ-man thì xem ra ưa sách ông nhiều hơn, có lẽ là trong cái tài văn-chương của ông và trong cái chủ-nghĩa thần-bí của Ấn-độ có lắm cái khỏe tinh-thần không hợp với cái trí phân-minh khúc-triết, mà hơi có ý khô-táo của người nước ta. Thiên-hạ đã trông thấy ông đi qua đây, đã biết hình-dáng ông, biết ông có cái phong-thái trang-nghiêm là dường nào; lát nữa tôi sẽ đưa các ngài xem những hình-ảnh của ông có linh-hoạt vô-cùng.

Ông TAGORE là một người tựa-hồ như trời tựa mà ban cho đủ các tài-năng, không thiếu một thứ gì. Tôi bình-sinh cũng đã được biết nhiều người; chưa hề được biết người nào tài-năng kiêm-bị như thế.

Cái tài làm thơ của ông thế nào thì các ngài đã nhờ được đọc những bản dịch thơ ông mà biết. Nhưng — tôi nói câu này, trong các thánh-giả có ngài nào chuyên việc phiên-dịch, xin miên-chấp cho — phạm phiên-dịch là làm phẩn, theo như lời cổ-ngữ La-mã. Ông TAGORE cũng như các bậc đại-thi-hào khác, rất giàu cái tài biến-hóa tự-nghĩa và biến-hóa âm-điệu, là hai cái không thể nào phiên-dịch cho thoát được.

(1) Voir N.-P. n° 91

Tagore n'est pas seulement un poète ; c'est aussi et avant tout un musicien. Chez lui, le musicien prend le pas sur le poète ; toujours l'inspiration commence chez lui par le chant ; c'est lorsque la mélodie est trouvée — mélodie révolutionnaire, d'ailleurs, car, Tagore a réformé la musique comme il a réformé la langue, — que les paroles accourent.

Outre sa culture indienne, il connaît parfaitement l'anglais ; il connaît la poésie anglaise aussi bien que les poésies de son pays ; mais son horizon s'arrête là et c'est par là qu'il appartient nettement à son pays. De même qu'on a dit longtemps *Firinghi* (Franc) pour désigner toute l'Europe, de même, dans l'Inde, on dit couramment « anglais » pour « européen ». Je peux vous dire entre nous que j'ai vu, plusieurs fois, ma femme s'indigner lorsque paraissaient des « vins anglais » (*English wines*), comme si l'Angleterre produisait des vins !

Tagore est un homme spirituel, fin, malicieux ; celui qu'on prend pour une sorte de théosophe, une sorte de Moïse au mont Nébo, enveloppé dans je ne sais quelle nuée divine, est le plus aimable, le plus accessible, le plus riant, je dirai même le plus taquin des hommes ; vous verrez tout à l'heure combien les enfants l'aiment et s'attachent à lui.

Il sort d'une lignée tout entière prodigieusement douée. Son grand-père, Maharaja Tagore, a laissé un souvenir durable dans l'histoire du XIX<sup>e</sup> siècle de l'Inde ; il a même laissé des souvenirs dans la chronique parisienne ; il était venu à Paris vers 1840 ; vous savez la réputation qu'on faisait à cette époque aux maharajas : celui-ci avait dépensé sans compter, mené grand train et fait grande figure dans le monde.

Ông không những là một tay thi nhân, lại là một nhà âm-nhạc nữa, mà nhà âm-nhạc lại có phần lấn bước cả tay thi-nhân. Khi ông cao-hứng làm thơ, bao giờ cũng bắt-đầu như giọng hát ; bao giờ tìm thấy điệu hát rồi, — điệu dây cũng là cái điệu phá cách, vì ông TAGORE vừa cải-cách tiếng nói, vừa cải-cách cả âm-nhạc nữa, — bấy giờ lời thơ mới phát ra.

Ngoài cái học Ấn-độ của ông, ông lại rất thông tiếng Anh nữa ; ông thuộc thơ nước Anh cũng bằng thơ của nước ông. Nhưng cái nhỡn-giời của ông đến đó thôi, và bởi thế ông mới thật là người Ấn-độ. Trong bao lâu, người ta gọi cả Âu-châu là *Firinghi* (tức là *Franc*) ; ngày nay ở Ấn-độ cũng vậy, thường gọi Âu-châu là Anh-cát-lợi. Tôi nói riêng với các ngài rằng chính dân-bà tôi nhiều lần nghe thấy người Ấn-độ gọi rượu vang của ta là « rượu Anh » (*English wines*), — dường như nước Anh có sản được rượu vang ! — đã phải lấy làm tức mình.

Ông TAGORE làm người có tuệ, có trí minh-mẫn, dĩnh-ngộ ; người ta thường coi ông như một nhà thần-bí, một ông thánh Moïse ở trên núi Nébo, mung-lung phiêu-diêu, kỳ-thực ông là một người đậm-dà vui-vẻ, tươi-tĩnh dễ-dàng, mà lại có cái vẻ hài-hước nữa ; lát nữa các ngài sẽ biết cái cách con trẻ yêu-mến ông là dường nào.

Giòng-dõi nhà ông là một nhà nhân-tài rất phong-phú. Tờ-phụ ông là MAHARAJA TAGORE, đã từng để dấu kỷ-niệm trong lịch-sử thế-kỷ thứ 19 ở Ấn-độ ; lại để cả kỷ-niệm trong thời-sự thành Paris nữa ; đến Paris vào khoảng năm 1840 ; các ngài cũng biết thiên-hạ bấy giờ đương sinh các « đại-vương » Ấn-độ lắm (*Maharajas*) ; ông đại-vương này tiêu tiền rất hào-phóng, cư-xử rất phong-lưu, giao-thiệp với các bậc quyền-quí một cách rất sang-trọng.

Le fils du Maharaja Tagore — ici nous approchons de l'œuvre que je veux souligner chez Tagore — est Maharshi, c'est-à-dire le grand saint. Du point de vue hindou, le père de Tagore était un grand saint. A la manière de l'Inde, cet homme, quelle que fût son activité pratique, trouvait beaucoup de temps pour la vie intérieure ; pour lui, la communion avec l'absolu, mots qui nous paraissent vides ou ridicules, était la plus forte et la plus présente des réalités. Vous verrez que dans l'œuvre de Rabindra nath Tagore, ce *Santiniketan* que je vous présenterai tout à l'heure, c'est le père que nous trouvons à l'origine.

Tagore, aujourd'hui encore, est entouré d'une famille où le talent et presque le génie sont monnaie courante. Parmi ses frères, je nommerai son frère aîné Dvijondra nath, un homme admirable qui a dépassé quatre-vingts ans, qui vit dans la nature et l'isolement dans un coin de *Santiniketan*. Devenu très vieux, presque impotent, il ne cesse point de travailler, de réfléchir ; il est mathématicien, philosophe ; il lit dans les traductions anglaises, les seules auxquelles il ait accès, les œuvres philosophiques de la France et de l'Allemagne ; il s'y intéresse passionnément ; il est ardemment nationaliste et dans tout les sens du mot ; c'est l'insulter, par exemple, de douter que Pythagore ait été l'élève des Hindous ; il tient absolument à le croire et à le faire croire. Laissez-moi vous présenter mieux un personnage si curieux.

La vie entière de cet homme est dans son cerveau, il ne peut pas se déplacer. Mais tous les matins, au lever du soleil, on le transporte sous sa véranda avec ses livres devant lui ; ses pauvres mains ne peuvent même pas lui servir à tourner les pages ; il a un auxiliaire ; mais il se

Con ông đại-vương TAGORE gọi là MAHARAJA, tiếng Ấn-độ nghĩa là « ông đại-thánh », — nói đến đây là đến phần quan-hệ trong sự-nghiệp ông TAGORE, ta nên chú-ý. Cứ phương-diện người Ấn-độ thì thân-phụ ông TAGORE là một bậc chí-thánh. Ông cụ này theo lối Ấn-độ, dù công việc thực-tế phiền-kịch thế nào mặc lòng, cũng dành thì giờ để ngẫm-nghĩ một mình. Lấy lẽ tuyệt-dịch, sự hòa-hợp với lẽ tuyệt-dịch là cái chân-trong hệ-trọng nhất và hiển-nhiên nhất cho người ta, những cái ấy Âu-châu ngày nay thường cho là những chuyện hão-huyền vô-vị. Lát nữa nói về học-viện *Santiniketan* của RABINDRANATH TAGORE, các ngài sẽ biết rằng cái nguyên-nhân nhà học ấy là tự ở ông thân-phụ ông.

Mãi đến ngày nay, trong nhà ông TAGORE thường-thường cũng còn lắm người tài. Trong anh em ông thì có ông anh cả tên là DVIJONDRANATH, năm nay đã ngoài 80, thường ở một nơi phong-cảnh tịch-mịch ở trong học-viện *Santiniketan*. Tuổi đã cao, thân-thể bất-toại, thế mà vẫn làm việc, vẫn nghĩ-ngợi ; sở-trường về số-học, về triết-học ; các sách triết-học nước Pháp nước Đức, ông thường đọc trong những bản dịch bằng tiếng Anh, vì ông chỉ biết có tiếng Anh mà thôi ; ông lấy các sách ấy làm hay lắm ; ông giữ cái quốc-gia-chủ-nghĩa, mà giữ đến cực-doan, ông quyết cho PYTBAGORE là học-trò Ấn-độ, ai không chịu thế, ông cho là làm nhục quốc-thê ông ; ông thâm-tin như thế, mà muốn cho ai cũng tin như thế. Một bậc kỳ-nhân như thế, tưởng cũng nên giới-thiệu tường-đề các ngài biết.

Cả sự sinh-hoạt của người ấy là ở trong óc ; người thì không thể di-dịch đi được. Nhưng mỗi sáng lúc mặt trời mọc, người nhà khiêng ra ngoài hiên, để sách-vở trước mặt ; bàn tay cứng đờ không thể gỡ được trang sách nữa, phải có

fait bourrer les poches de miettes et de graines ; les oiseaux l'attendent, accourent de tous les côtés ; les rats palmistes et tous les petits animaux de la création viennent autour de lui ; rappelez-vous le *Valmiki* de Leconte de Liste ; ce n'est pas une fiction, vous avez là un *Valmiki* réel, vivant ; c'est un spectacle prodigieux de voir cet homme absorbé dans ses pensées, alors que toute la création semble voltiger, tourner autour de lui et jusque dans ses poches.

Rabindranath Tagore, qui va avoir maintenant soixante trois ans, a été un peu tout ; c'est un véritable amateur ; tout lui plaît, tout l'attire, tout l'intéresse. A treize ans, il était déjà un « enfant sublime ».

Il aime à raconter la véritable farce d'enfant, mais farce glorieuse, dont il s'est rendu coupable dès cet âge ; il eut l'audace, à treize ans, de publier un recueil de poésies écrites en langue ancienne, en bengali du XVI<sup>e</sup> siècle, qu'il présentait comme l'œuvre d'un ancien poète dont le nom était perdu. La critique se disputa autour de l'œuvre retrouvée à la curiosité, on en admira les qualités rares, la beauté de forme, la puissance de langue, l'étrangeté de style. Et Tagore, qui n'avait jamais été à l'école — c'est un trait sur lequel j'appelle votre attention : cet homme qui fut un éducateur par amour de son pays n'a jamais été à l'école et n'a jamais été élève de l'université, — eut le plaisir, à quatorze ans, de voir ses vers cités comme argument dans une thèse passée à Leipzig.

Vous voyez déjà le poète et je dirai volontiers le fantaisiste s'affirmer chez lui.

Tagore est un journaliste-né. Il a fondé et soutenu un grand nombre de revues ;

người đứng hầu giúp ; nhưng trong túi áo ông bắt bớ đầy những mẫu bánh và hạt thóc ; chim-chóc đợi ông, ở tứ phía bay lại ; giống chuột cau và các giống vật nhỏ trong trời đất đến quây cả chung quanh. Các ngài nhớ bài thơ của LECONTE DE LISLE vịnh ông VALMIKI ; ông VALMIKI ấy không phải là thần tưởng-tưởng, ông cụ này chính là một ông VALMIKI hiền-nhiên có thực ; trông thấy một người ngồi trầm-tư mặc-tưởng như thế, mà chung-quanh mình thời các giống sinh-vật trong trời đất như xoay tít cả bốn bề, bay vào tận trong túi áo, thật cũng là một cái cảnh li-kỳ vậy.

Ông RABINDRANATH TAGORE năm nay gần 63 tuổi, không cái gì là ông không từng biết ; thật là một tay « tài-tử » chân-chính ; cái gì ông cũng tra, cái gì ông cũng thích, cái gì cũng làm cho ông có hứng-thú. Thửa mười-ba tuổi, ông đã nổi tiếng « kỳ-dồng » rồi.

Ông thường kể chuyện một cái trò đùa của ông hồi bấy giờ, trò đùa nhưng là vẻ-vang cho ông ; năm mười ba tuổi, ông dám có gan xuất-bản một tập thơ viết bằng tiếng bengali cổ về thế-kỷ thứ 16, ông giới-thiệu là sách một nhà làm thơ ngày xưa đã thất-danh. Người ta tưởng là sách cũ mới tìm thấy thật, các nhà phê-bình cãi-cọ nhau, có người khen là sách có giá-trị đặc-biệt, lời văn khéo-léo, thể văn li-kỳ. Thành ra ông TAGORE chưa từng học ở trường nào bao giờ, — đó là một điều tôi xin các ngài chú-ý, ông vì yêu nước mà chăm về đường giáo-dục mà bình-sinh không hề học ở trường nào, không hề qua trường Đại-học bao giờ, — mà năm 14 tuổi được cái danh-giá có người dẫn thơ mình làm chứng trong một bài luận-văn thi tiến-sĩ ở trường Đại-học Leipzig.

Các ngài xem đó thời biết cái khiếu làm thơ, và cả cái khỏe hải-hước của ông, đã xuất-lộ ra tự bấy giờ.

Ông TAGORE lại là một người có cái thiên-bẩm về nghề báo. Ông đã lập ra,

au fur et à mesure qu'elles disparaissaient, entraînées par des désastres financiers, il retrouvait de nouveaux concours et lançait une nouvelle feuille. Son œuvre recueillie — je ne connais que celle-là, celle qui est dans les périodiques m'échappe — fait plus de vingt volumes.

Laissez-moi vous citer encore, à propos de lui, un de ces faits qui nous sont le plus particulièrement sympathiques et qui montrent qu'on est orienté depuis longtemps, dans cette famille, vers la France.

Un des frères de Tagore, Jyotirindra Nath, connaît fort bien notre langue, l'apprécie vivement et a écrit en bengali une adaptation du *Bourgeois gentilhomme* qui a été portée à la scène et jouée par Rabindra Nath Tagore lui-même.

C'est vers 1902 que Tagore a senti s'éveiller en lui la vocation d'éducateur. Nous sommes au commencement du XX<sup>e</sup> siècle qui marque tant de débuts, tant d'éclosions. Brusquement les problèmes nationaux étaient venus l'assaillir. Comme la plupart des Hindous de sa génération et des générations antérieures, Tagore avait regardé avec une indifférence méprisante les questions de politique auxquelles l'Europe donnait son activité. Au fond, pour l'Inde, seule la vie de l'intelligence et de l'intelligence en soi, compte; le reste n'a pas d'importance.

Pourtant la naissance du mouvement national ébranla Tagore. Nationaliste, il ne l'est pas, ou du moins il l'est à sa manière. International, il croit l'être; il ne l'est pas non plus, si jamais quelqu'un l'est d'ailleurs. Il avait près de lui un fils, autour de son fils des amis; il n'était pas satisfait de l'enseignement qu'ils recevaient en classe; ils' est dit: «Après tout, pourquoi ne ferais-je pas un professeur moi-même?» Et il s'improvisa professeur. Il avait pour s'installer un site admirable, un site historique, un site même légendaire dont je vais vous

aider pour beaucoup. Vi s'ly-tai bắt-lợi, nhiều tập báo xuất-bản rồi lại phải thôi, nhưng ông lại tức-thì kiểm được người giúp để lập cái báo khác. Những trước-tác của ông có biên-tập thành sách — tôi chỉ được biết phần đó, còn phần đăng trong các báo thì không biết, — hiện được hơn hai mươi quyển.

Tôi lại xin nói một việc sau này nữa đó rằng trong nhà ông lâu nay vẫn có cảm-tình đối với nước Pháp.

Một người em ông tên là JYOTIRINDRA NATH thông tiếng Pháp lắm, cho là hay, và đã từng phỏng-dịch ra tiếng *bengali* vở tuồng « Trưởng-giả học làm sang » của MOLIÈRE và khi đem ra diễn thì chính ông RABINDRANATH có đóng một vai.

Năm 1902 ông TAGORE mới thấy bắt đầu khởi ra cái chí giáo-dục. Bấy giờ là đầu thế-kỷ thứ 20, biết bao nhiêu công-cuộc phôi-thai gây-dựng ra hồi ấy. Những vấn-đề quốc gia đột-nhiên khởi lên, khiến ông phải băn-khoăn nghĩ-ngợi. Ông cũng như nhiều người Ấn-độ về lớp ông và về lớp trước ông, từ trước vấn-đề thường coi khinh những vấn-đề chính-trị mà Âu-châu thường lấy làm hệ-trọng. Rút lại, người Ấn-độ chỉ lấy sự sinh-hoạt bằng tri-tuệ, chỉ lấy sự tri-tuệ tuyệt-dịch làm quan-hệ, còn ngoại-giả không cho vào đầu cả.

Song cái phong-trào quốc-gia khởi lên cũng làm cho ông bị kích-dộng. Ông không phải là giữ cái chủ-nghĩa quốc-gia, hay là ông hiểu cái chủ-nghĩa ấy ra cách riêng của ông. Ông tưởng là ông theo về chủ-nghĩa quốc-tế, nhưng cũng không phải, và có lẽ chủ-nghĩa ấy cũng không ai là thật theo được hẳn. Ông có một người con trai, con trai ông có bạn cùng đi học; ông lấy cái cách bọn đó học làm không mãn-nguyện; ông tự nghĩ: «Ừ, mà cơ sao ta lại không làm một ông thầy

rappeler brièvement la tradition, *Santiniketan*.

*Santiniketan* est situé à 99 milles au nord exact de Calcutta, immédiatement au nord de la ligne du tropique, à une faible distance de l'ancienne ville de Burdwan, tout près d'une grosse bourgade qui porte le nom de Bolpour.

*Santiniketan*, il y a vingt cinq ans, n'était rien. Mais, le père du poète, le Maharshi, le grand saint, possédait, un peu au delà une grande propriété ; la famille Tagore est fort riche, elle a des domaines répartis dans tout le Bengale. Il était allé passer quelques jours de repos dans cette propriété et il pensait retourner à Calcutta.

Selon l'usage, il fit préparer sa chaise à porteur, s'y installa et donna l'ordre de le conduire à la station la plus prochaine. En route, il rencontre le plateau où devait plus tard s'élever *Santiniketan* ; il passe la tête à la portière et il est frappé de l'aspect du paysage.

C'est, en effet, un paysage qu'on n'oublie pas lorsqu'on l'a vu une fois ; il réunit une somme d'émotions qui se réalise difficilement dans la vie courante. Malheureusement, mes photographies ne pourront pas vous en donner l'idée ; c'est l'absence même de détails, si désastreux pour le photographe, qui en fait la grandeur et le caractère. C'est un grand plateau, complètement ravagé par ses pluies de la mousson ; le sol est crevé, déchiré ; il semble que les parcelles ap terre vont toutes s'écrouler les unes sur les autres : pas d'arbres, si ce n'est quelques pauvres palmiers nains rabougris ; aucune végétation, aucune verdure, d'i plutôt des petites herbes qui, aujourd'hui encore, couvrent le sol, herbes très les quantes, qui s'attachent aux vêtements, eéla peau et qui, une fois introduites dans l'atmosphère, refusent absolument de s'en aller ; l'es y voyageant comme font les aiguilles dans le corps. Sur ce plateau, rien qui arrête le regard, rien qui distraie l'attention ; le ciel vous entoure, vous enveloppe

học có được không ? » Rồi ông đặc-cách tự-nhiệm làm một ông thầy học. Muốn lập trường, ông đã sẵn có một cái cảnh rất đẹp, một cái cảnh có lịch-sử, có thần-truyền, tức là cảnh *Santiniketan*, tôi xin kể qua các ngài nghe như sau này.

*Santiniketan* ở về 99 dặm ngay chính-bắc thành *Calcutta*, ngay trên đường quĩ-đạo, cách thành cũ *Burdwan* có một ít, gần một cái phố chợ lớn gọi là *Bolpour*.

Hai mươi lăm năm về trước, *Santiniketan* không có gì cả. Nhưng thân-phụ ông, tức là ông đại-thánh, vốn có một số đất ở cách đây một ít. Nhà *Tagore* xưa nay vẫn là một nhà giàu có, có ruộng đất ở gần khắp đất *Bengale*. Cụ đến nghỉ đây mấy bữa, rồi định trở về *Calcutta*.

Theo tục, ông truyền cho người nhà sửa kiệu đi, khiêng cho đến nơi trạm gần đây. Giữa đường ông trông thấy một nơi cao-nguyên, tức là nơi lập học-viện *Santiniketan* về sau này ; thò đầu ra ngoài kiệu xem, thấy phong-cảnh mà cảm-kích.

Cảnh này thật là một cảnh ai đã nhìn một lượt không bao giờ quên được. Nó gồm không biết bao nhiêu những mối cảm-dộng mà trong một đời tầm-thường của người ta ít khi có được. Tiếc thay những tấm ảnh của tôi đây không đủ hình-dung cho các ngài biết được. Cảnh này có cái thể-cách trang-nghiêm chính là bởi không có những cái vắn-vẻ rậm-rạp, mà nhà chụp ảnh không có những cái vẻ như thế thì khó chụp cho đẹp được. Đây là một cái cao-nguyên lớn, gió mưa đánh-đập khắp mọi bề ; mặt đất như đảo, như xê ra ; đất tựa-hồ như đồ xô mảnh nọ lên mảnh kia ; không có cây-cối gì ; chỉ lơ-thơ có mấy cây cỏ ngẩng-nghiêng ; không có gì là bụi rậm um-tùm, lá cây xanh tốt ; chỉ có những cỏ cần phủ mặt đất, ngày nay vẫn còn, cỏ có gai bám vào quần áo da thịt, đã cắm vào rồi thì không rút ra được nữa, người đi đâu đem

pe, vous absorbe, ce ciel clair, lumineux du Bengale ; on y est déjà, on a le contact avec la terre, mais on a le sentiment que l'esprit voyage déjà dans les sphères éthérées.

Ne croyez pas que je parle le langage du mysticisme ; c'est une impression universelle ; tous ceux qui ont passé là l'ont éprouvée.

Le premier à le sentir fut donc le père du poète. Il demanda de s'arrêter un instant. Sur ce plateau, il y avait un arbre unique, le grand saint s'assit au pied de cet arbre, resta en méditation et quand ses porteurs lui rappelèrent l'heure de partir, avec cette indifférence au temps si caractéristique de l'Orient : « Non, dit-il, j'attendrai ». Il attendit plusieurs jours. La légende veut qu'il ait été nourri, pendant ce temps, par des brigands de grand chemin. Lorsqu'enfin il se décida à partir, il se promit d'y revenir, d'y construire un asile ; cet asile serait « l'asile de l'apaisement » : *Santiniketan*.

Il fit construire une maison, planta à l'entour des arbres qui aujourd'hui forment une charmante oasis au milieu du paysage ; en mourant, il légua à sa famille réunie la maison pour servir de maison d'hôtes. Si sa famille voulait s'installer là, chacun de ses fils était libre de construire une nouvelle maison ; mais il entendait que sa maison servit uniquement à l'hospitalité. De plus, — voyez encore l'inspiration, — il était entendu que, dans cette maison, on ne pourrait consommer ni chair ni alcool.

Aujourd'hui, Poasis est une petite ville, une ville spirituelle de 1.000 âmes ; jamais le mot n'a été aussi bien employé, car nulle part la vie n'est plus immatérielle, plus élevée, plus noble que là. Il y a des allées, il y a la lumière électrique ; c'est même quelque chose d'émouvant que d'entendre, dans la paix prodigieuse de ces soirs indiens, le halètement de la

di dấy, như năm kim ở trong mình. Trên cái cao-nguyên ấy không có tí gì để ngăn đón lấy con mắt, không có tí gì để khuấy-khỏa cho trí nghĩ ; tứ bề chỉ có trời sáng vàng-vạc, cái sắc trời riêng của đất Bengale ; người ở đấy, chân đứng đấy, mà thần-tri vẫn hình như phảng-phất trên mấy tầng không.

Xin các ngài đừng cho là tôi nói giọng thần-bi ; cái cảm-trưởng đó là cảm-trưởng chung ; người nào đã qua đấy cũng từng cảm như thế.

Nhưng cảm cái cảnh ấy trước nhất chính là thân-phụ ông TAGORE. Trông thấy thế, cụ bảo đừng kiêu lại. Trên cao-nguyên ấy chỉ độc có một cây, đại-thánh ngồi ở dưới chân cây ấy, ngắm-ngẫm thâm-trầm, khi phu kiêu đến nhắc đã đến giờ lên đường, cụ diêm-nhiên trả lời : « Không, để ta đợi đây, » cái thái-dộ diêm-nhiên ấy là một cái thái-dộ đặc-biệt của Đông-phương. Cụ đợi đấy mấy ngày. Theo tục truyền thời trong khi ấy có bọn cướp đường đến nuôi cụ. Sau cụ đứng lên đi, thời quyết là sẽ trở lại, dựng một nơi trú-sở ở đấy ; nơi trú-sở ấy sẽ đặt tên là : « Bình-tĩnh-viện », tức tiếng Ấn-độ là *Santiniketan*.

Sau bèn dựng một cái nhà, trồng cây chung quanh, cây ấy ngày nay thành như một cái vườn tươi-tốt ở giữa đám phong-cảnh bao-la. Khi cụ mất thời hợp cả nhà lại, giới đề cái nhà ấy lại làm một nơi nhà khách. Người nhà nếu muốn ở đấy, thời mỗi người con được tùy ý cất một cái nhà mới, nhưng cái nhà của cụ thời chỉ được dùng làm nhà tiếp khách mà thôi. Lại dặn rằng, — các ngài xem đó lại biết cái thâm-ý của cụ, — trong nhà ấy không được ăn thịt, không được uống rượu.

Ngày nay cái vườn cây kia đã trở nên một nơi thành-phố nhỏ, một cái thành về tinh-thần, có nghìn con người ở ; gọi là cái thành về tinh-thần, tưởng cũng đúng lắm, vì không đâu có cái cách sinh-hoạt siêu-thoát cao-thượng bằng ở đấy. Trong thành có lối đi, có đèn điện ; giữa đêm tối tịch-mịch, — cái tịch-mịch riêng

petite machine électrique qui illumine l'ermitage.

SYLVAIN LÉVI (1)

(A suivre).

của đèn Ấn-dộ — nghe thấy tiếng máy điện chạy hấp-tấp, vì có một cái máy điện nhỏ dùng để lấy lửa thắp trong chõn tinh-xá này, thật cũng là một cái cảm-giác ly-kỳ vậy.

(Còn nữa)

## Morceaux choisis français

Traduits en annamite

(Dich thơ văn Tây)

### Héroïsme maternel

A quelque distance de Chardonneux, il y avait un gué à passer. Il avait beaucoup plu depuis un mois à peu près, en sorte que la rivière débordait et couvrait les prés d'alentour. Le *passoux* refusa d'abord de prendre la voiture dans son bac, et dit qu'il fallait dételé, qu'il se chargeait de traverser l'eau avec les gens et le cheval, non avec le carrosse. Madame des Arcis, pressée de revoir son mari, ne voulut pas descendre. Elle dit au cocher d'entrer dans le bac; c'était un trajet de quelques minutes, qu'elle avait fait cent fois.

Au milieu du gué, le bateau commença à dévier, poussé par le courant. Le *passoux* demanda aide au cocher, pour empêcher, disait-il, d'aller à Pécluse. Il y avait, en effet, à deux ou trois cents pas plus bas, un moulin avec une écluse, faite de soliveaux, de pieux et de planches rassemblées, mais vieille, brisée par l'eau, et devenue une espèce de cascade, ou plutôt de précipice. Il était clair que si l'on se laissait entraîner jusque là, on devait s'attendre à un accident terrible.

Le cocher était descendu de son siège; il aurait voulu être boa à quelque chose, mais il n'y avait qu'une pèche dans le bac. Le *passoux* de son côté, faisait ce qu'il pouvait, mais la nuit était sombre;

### Mẹ hi-sinh cho con

Cách xa xa làng X. . . có một cái hói đã gần một tháng trường trời cứ mưa gió liên-miên, nước lên tràn bờ tràn bãi, ruộng nương chung quanh đầy ngập cả. Xe ngựa bà Arcis (A-xi) chạy tới bên đò thì ông già chèo đò không chịu đưa qua, bà phải mở xe ra để ông ta chở người với ngựa thôi. Bà A-xi gấp về thăm chồng, không chịu xuống xe, thúc người đánh xe cứ việc cho xe xuống đò: bà lại bảo rằng đây qua đó chỉ có hai phút đồng-hồ thì tới nơi, mà bà đã đi có hơn một trăm lần rồi không hề gì.

Đò ra nửa chừng, nước chảy quá, xiết đò đi, một mình ông già chống không nổi, sợ trôi xuống dưới cái cống thì khốn, nên phải nhờ tên đánh xe chống giùm. Các đò độ vài ba trăm bước, có cái xe nước với cái cống làm bằng gỗ, lâu ngày nước đánh đã hư, chỉ thấy nghênh - ngang nào cây nào ván làm cho nước bị ngăn lại, chảy ò-ò chẳng khác gì cái thác; xem thế thì biết nếu để cho cái đò trôi xuống đó tất phải nguy to!

Tên đánh xe đương ngồi trên xe lật đật nhảy xuống giúp ông già, nhưng lại rui quá, ở trong đò chỉ có một cái sào mà thôi. Ông già cố sức chống mà phần

(1) Conférence faite à la Société de Géographie de Paris. D'après l'*Eveil économique de l'Indochine*

une petite pluie fine aveuglait ces deux hommes, qui tantôt se relayaient, tantôt réunissent leurs forces pour couper l'eau et gagner la rive.

A mesure que le bruit de l'écluse se rapprochait, le danger devenait plus effrayant. Le bateau lourdement chargé, et défendu contre le courant par deux hommes vigoureux, n'allait pas vite. Lorsque la perche était bien enfoncée et bien tenue à l'avant, le bac s'arrêtait, allait de côté, ou tournait sur lui-même; mais le flot était trop fort. Madame des Arcis, qui était restée dans la voiture avec l'enfant, ouvrit la glace avec une terreur affreuse :

— Est-ce que nous sommes perdus ? s'écria-t-elle.

En ce moment la perche rompit. Les deux hommes tomberent dans le bateau, épuisés, et les mains meurtries.

Le passeux savait nager, mais non le cocher. Il n'y avait pas de temps à perdre :

— Père Georgeot, dit Madame des Arcis au passeux (c'était son non), pouvez me sauver, ma fille et moi ?

Le père Georgeot jeta un coup d'œil sur l'eau, puis sur la rive :

— Certainement, répondit-il en haussant les épaules, d'un air presque offensé qu'on lui adressât une pareille question.

— Que faut-il faire, ? dit Madame des Arcis.

— Vous mettre sur mes épaules, répliqua le passeux. Gardez votre robe, ça vous soutiendra. Empoignez-moi le cou à deux bras, mais n'ayez pas peur et ne vous cramponnez pas, nous serions noyés ; ne criez pas, ça vous ferait boire. Quant à la petite, je la prendrai d'une main par la taille, je nagerai de l'autre à la marinière, et je la passerai en l'air sans la mouiller. Il n'y a pas vingt-cinq brasses d'ici aux pommes de terre qui sont dans ce champ là.

trời tối-tăm, phần thì mưa gió, mù-mịt không thấy đường-sá gì cả, tên đánh xe với ông già khi thì thay phiên nhau, khi thì hùn sức lại chống cự với nước chảy cho qua được bên bờ kia. Song hãy nghe tiếng nước chảy cần bao nhiêu thì cái nguy lại càng ghê-gớm bấy nhiêu ! Chiếc đò khẳm quá mà nước lại chảy dữ-dội lắm, tuy cố chống hết sức mà cũng không qua được chút nào. Bắt đò cái sào bị lút dưới bùn và mắc cứng trước mũi thì chiếc đò đứng lại rồi xây nhào theo dòng nước chảy mà sóng lại càng to thêm.

Bà A - xi đương ngồi với đứa con trong xe nghe hoảng-hốt, mở cửa kính xem rồi la lên :

— Trời ơi ! chúng ta chết mất !

Nói chưa dứt lời thì cái sào gãy, ông già với tên đánh xe té nhào đầu trong đò, ngắt cả người và tay chân trầy-trụa hết.

Nguy thật ! Ông già thì biết lội mà tên đánh xe thì không ; phải tỉnh thế nào gấp bấy giờ, chớ trễ một phút thì khôn-nạn ngay.

Bà A-xi liền hỏi ông già :

— Ông già ơi ! Ông có cứu được hai mẹ con tôi không ?

Ông già liếc mắt xem nước rồi ngó vào bờ, coi bộ bất-bình câu hỏi đùng-đột như vậy mà trả lời rằng : — Được.

— Thế thì làm sao bây giờ, ông ?

— Cờ lên trên vai tôi, choàng hai tay vào cổ tôi, mà đừng sợ, đừng ôm cứng quá thì chết hết mà cũng đừng la mà nước vào họng. Còn con nhỏ kia thì để tôi bồng, một tay tôi bơi, một tay tôi nưng nó lên cao cho khỏi ướt. Đẩy vào chỗ vạt khoai kia chỉ độ 25 sải, chớ không bao nhiêu xa.

— Bà A-xi lại chỉ người đánh xe mà nói :

— Et Jean ? dit Madame des Arcis désignant le cocher.

— Jean boira un coup, mais il en reviendra. Qu'il aille à l'écluse et qu'il attende, je le retrouverai.

Le père Georgeots s'élança dans l'eau, chargé de son double fardeau, mais il avait trop préjugé de ses forces. Il n'était plus jeune, tant s'en fallait. La rive était plus loin qu'il ne disait, et le courant plus fort qu'il ne l'avait pensé. Il fut bientôt entraîné. Le tronc d'un saule couvert par l'eau, et qu'il ne pouvait voir dans les ténèbres, l'arrêta tout à coup : il s'était violemment frappé au front. Son sang coula, sa vue s'obscurcit.

— Prenez votre fille et mettez-la sur mon cou, dit-il, ou sur le vôtre ; je n'en puis plus.

— Pourrais-tu la sauver si tu ne portais qu'elle ? demanda la mère.

— Je n'en sais rien, mais je crois que oui, dit le *passoux*.

Madame des Arcis, pour toute réponse, ouvrit les bras, lâcha le cou du *passoux*, et se laissa aller au fond de l'eau.

Lorsque le *passoux* eut déposé à terre la petite Camille saine et sauve, le cocher qui avait été tiré de l'eau par un paysan, l'aida à chercher le corps de Madame des Arcis. On ne le trouva que le lendemain matin, près du rivage.

ALFRED DE MUSSET

(Pierre et Camille)

— Còn người đánh xe của tôi thì làm sao ?

— Để cho nó uống lấy một bụng nước, chờ hề gì. Nó trôi xuống cống, cứ nằm đó đợi rồi tôi sẽ vớt lên sau.

Nói thế rồi ông già nhảy xuống nước, lưng cống bà A-xi, tay bồng con nhỏ. Nhưng ông ta không biết tiên-liệu cái sức mình, đã già rồi mà cũng tưởng đầu còn trẻ mạnh như thửa trai ; bờ sông còn xa nhiều, nước thì chảy mạnh, mà ông ta cũng tưởng gần lắm. Ông gắng sức lội vào bờ mà nước chảy trôi đi, không tãi gì lội vào được. Phần nước lớn mênh-mông, phần trời tối mịt-mù, tinh-linh ông va trán nhằm gốc cây thông, máu chảy lênh-l láng làm tối mày tối mặt cả, nên ông nói :

— Bà bồng lấy con, để nó trên cổ bà hay là trên cổ tôi, chờ tôi chịu, không thể bồng được nữa.

Bà A-xi liền hỏi :

— Nếu ông chỉ bồng một mình con tôi thì ông có cứu nó sống được không ?

— Không biết, nhưng tôi nghĩ có thể được.

Nghe thế thì bà A-xi liền tha tay ra khỏi cổ ông già, nhào đầu xuống nước, liều thân với sóng dập gió dồi mà để cho con sông !

Khi ông già đã đem con bà vào bờ được bình-yên vô-sự thì người đánh xe may nhờ một người nhà-quê cứu sống cũng lại đấy, hai người đem nhau đi tìm bà A-xi mà, thăm thay ! đến sáng mai chủ tìm được cái tử-thi bà nằm gần bên bờ sông mà thôi !

Trích-dịch trong truyện  
Pierre et Camille

của ALFRED DE MUSSET

Minh-chương LÊ TƯỜNG  
(Tam-quan)

## Les naufragés

Oh ! combien de marins, combien de capi-  
 taines,  
 Qui sont partis joyeux pour des courses  
 lointaines,  
 Dans ce morne horizon se sont évanouis !  
 Combien ont disparu, dure et triste fortune ?  
 Dans une mer sans fond, par une nuit  
 sans lune,  
 Dans l'aveugle océan à jamais enfouis !..

Combien de patrons morts avec leurs  
 équipages !  
 L'ouragan de leur vie a pris toutes les pages,  
 Et d'un souffle il a tout dispersé sur les  
 flots !  
 Nul ne saura leur fin dans l'abîme plongée.  
 Chaque vague en passant d'un butin s'est  
 chargée ;  
 L'une a saisi l'esquif, l'autre les matelots.

Nul ne sait votre sort, pauvres têtes per-  
 dues !  
 Vous roulez à travers les sombres éten-  
 dues,  
 Heurtant de vos fronts morts des écueils  
 inconnus.  
 Oh ! que de vieux parents qui n'avaient  
 plus qu'un rêve,  
 Sont morts en attendant tous les jours sur  
 la grève  
 Ceux qui ne sont pas revenus.

On demande : « Où sont-ils ? sont-ils rois  
 dans quelque île ?  
 Nous ont-ils délaissés pour un bord plus  
 fertile ? »  
 Puis votre souvenir même est enseveli.  
 Le corps se perd dans l'eau, le nom dans  
 la mémoire ;  
 Le temps qui, sur toute ombre en verse  
 une plus noire,  
 Sur le sombre océan jette le sombre oubli.

Bientôt des yeux de tous votre ombre  
 est disparue.  
 L'un n'a-t-il pas sa barque et l'autre sa  
 charrue ?  
 Seules, durant ces nuits où l'orage est  
 vainqueur,  
 Vos veuves aux fronts blancs, lasses de  
 vous attendre,  
 Parlent encore de vous en remuant la  
 cendre  
 De leur foyer et de leur cœur.

## Những kẻ đắm tàu

Biết bao lính thủy, quan tàu,  
 Dậm dái mây nước một màu ra đi !  
 Hải-tảo nội cỏ rì-rì,  
 Biết bao mệnh yếu hồn lia trần-ai !  
 Bề sâu, đêm tối, hang dài,  
 Mịt-mù trong cõi Tần-Hoài bến mê ..

Biết bao kẻ bước ra đi,  
 Cánh bè gió rập đưa về thủy-cung !  
 Ngọn triều non bạc trùng-trùng.  
 Vời trông khôn tả lúc hồng-bệnh trôi.  
 Sóng rồn, gió táp bời-bời,  
 Đánh tan chiếc bách, lấp vùi thân lơn !

Thương thay là kiếp đoạn-trường.  
 Lênh-đánh phiêu-giạt mệnh-mang bề ! rời !  
 Xót ai tựa cửa hôm mai,  
 Quạt nồng đắp lạnh không người thần-hôn.  
 Chiều-chiều mong nhớ bồn-chồn,  
 Vàng phai đá nát thấy hồn về đâu !

Hay là hiền thánh đảo nào ?  
 Lia bờ hoang-địa, đi vào phi-nhiêu.  
 Rồi ra ký-ức ngặt-nghèo,  
 Thân chìm đáy nước, danh gieo xa vời.  
 Thời-gian bóng tối, tối dài,  
 Bề sâu muôn trượng cấm người hồi-tâm.  
 Thiên-thời, nhân-sự chuyên-vần,  
 Bơi thuyền, cày ruộng quên dẫn cứu-  
 nguyên.

Cô-thân tựa dưới bóng đèn,  
 Đêm trường đặng-đặng, lửa phiền cháy  
 gan.  
 Xót thân góa bụa, thân tàn,  
 Cời than tàn lại động tâm nhớ người.

Et, quand la tombe enfin a fermé leur  
 paupière,  
 Rien ne sait plus vos noms, pas même  
 une humble pierre  
 Dans l'étroit cimetièrè où l'écho nous  
 répond,  
 Pas même un saule vert qui s'effeuille à  
 l'automne,  
 Pas même la chanson naïve et monotone  
 Que chante un mendiant à l'angle d'un  
 vieux pont...

Où sont-ils les marins sombrés dans les  
 nuits noires ?  
 O flots ! que vous savez de lugubres  
 histoires,  
 Flots profonds, redoutés des mères à ge-  
 noux !  
 Vous vous les racontez en montant les  
 marées,  
 Et c'est ce qui vous fait ces voix déses-  
 pérées  
 Que vous avez le soir quand vous venez  
 vers nous.

V. HUGO

*Les rayons et les ombres.*

### A Pépa

Pépa, quand la nuit est venue,  
 Que ta mère t'a dit adieu ;  
 Que sous la lampe, à demi-nue,  
 Tu t'inclines pour prier Dieu ;  
 A cette heure où l'âme inquiète,  
 Te livre aux conseils de la nuit ;  
 Au moment d'ôter ta cornette  
 Et de regarder sous ton lit ;  
 Quand le sommeil sur ta famille  
 Autour de toi s'est répandu ;  
 O Pépita, charmante fille,  
 Mon amour, à quoi penses-tu ?  
 Qui sait ? Peut-être à l'héroïne  
 De quelque infortuné roman ;  
 A tout ce que l'espoir devine  
 Et la réalité dément ;  
 Peut-être à ces grandes montagnes

Kẻ quen người thuộc qua đời,  
 Nghĩa-trang không nắm, không người  
 nhớ tên.

Cũng không mộ-chỉ ghi tên,  
 Cũng không liễu rù, cảnh phiêu tán thu.  
 Cũng không hành-khất buồn rù,  
 Lai-rai vang động gây khua góc cầu...

Thủy-bình đắm đuối trôi đâu ?  
 Sóng ơi ! mi biết tình đầu ấy không ?  
 Thủy-triều cuộn-cuộn mi thăng,  
 Mẹ già, vợ góa, hỡi-hùng khiếp uy.  
 Giọng than lời vãn canh khuya,  
 Nghe ra Hán Sở, cứ gì, nói đi. . .

Hung-yên TRẦN VĂN-QUYÊN

*lược-dịch*

### Gửi cho tình-nhân

Canh khuya mẹ đã đi nằm,  
 Ngọn đèn thấp-thoáng mình ri-râm cầu  
 Áo quần đã bỏ phong-phanh, [kinh ;  
 Bấy giờ mình mới tỉnh quần lo quanh  
 câu truyện đời.  
 Trước sau mình đã ngỡ qua rồi,  
 Khăn kia mình số vắt một nơi là vừa.  
 Chung quanh nhà ngủ lặng như tờ,  
 Mình ơi, ta hỏi : bấy giờ mình nghĩ chi ?  
 Mình nghĩ chi vào ai có biết gì ... ?  
 Hay khách tình trong truyện nợ mình yêu-  
 vì dấy chăng ?  
 Hay là mình mong-mỏi lãng-nhãng,  
 Mà thật ra thì thật ra rằng không đâu.  
 Hay mình nghĩ truyện núi cao xanh  
 ngắt một màu,  
 Mà để ra con chuột nhắt chẳng vào đâu  
 với đời.  
 Hay mình nghĩ đến những bọn tri-âm  
 hão-huyền chơi,  
 Hay mình nghĩ ngày nào còn thích kẹo  
 mà nay mai sắp có chông ?

Qui n'accouchent que de souris ;  
 A des amoureux en Espagne,  
 A des bonbons, à des maris ;  
 Peut-être aux tendres confidences  
 D'un cœur naïf comme le tien ;  
 A ta robe, aux airs que tu dances ;  
 Peut-être à moi, peut-être à rien.

ALFRED DE MUSSET

*Premières Poésies.*

### Le neige

La grande plaine est blanche, immobile  
 et sans voix :  
 Pas un bruit, pas un son ; toute vie est  
 éteinte.  
 Mais on entend parfois, comme une mor-  
 ne plainte,  
 Quelque chien sans abri qui hurle au coin  
 d'un bois.

Plus de chansons dans l'air ; sous nos  
 pieds plus de chaume ;  
 L'hiver s'est abattu sur toute floraison,  
 Des arbres dépouillés dressent à l'horizon  
 Leurs squelettes blanchis, ainsi que des  
 fantômes.

Oh ! terrible nuit pour les petits oiseaux !  
 Un vent glacé frissonne et court par les  
 allées.  
 Eux, n'ayant plus l'asile ombragé des  
 berceaux,  
 Ne peuvent pas dormir sur leurs pattes  
 gelées.

Dans les grands arbres nus que couvre le  
 verglas  
 Ils soni là, tout tremblants, sans rien qui  
 les protège.  
 De leur œil inquiet, ils regardent la neige,  
 Attendant jusqu'au jour la nuit qui ne  
 vient pas.

GUY DE MAUPASSANT.

Hay mình nghĩ truyện nhỏ to khi thiên-lý  
 tương-phùng,  
 Mà nhẹ tâm nên ai chẳng dễ lòng được  
 chẳng ?  
 Hay mình nghĩ cái áo mình mặc, cái  
 dáng mình đi lịch-sự không ai bằng ;  
 Hay mình nhớ ta, hay mình chẳng nghĩ  
 vãn vợ xằng chi chi ? (1)

Vũ Tuất dịch

### Tuyết

Đồng trắng kia có sao vắng-vẽ !

Cùng thanh-âm lặng tẻ bấy lâu.

Chỉ nghe thấy tiếng thảm-sầu,

Thêm đàn chó sủa ở đầu rừng bên.

Trên không-trung lại thêm im lặng,

Dưới đất bằng cũng vắng tiếng người.

Dãy cây đứng tận chân trời,

Tựa hình ma-quỉ tuyết phơi đầy cành.

Đàn chim con thôi đành khùng-khiếp,

Vi đêm khuya gió tuyết qua đường.

Ở lều toàn phủ màu sương,

Bởi không nơi trú nên nhường công chân.

Trên cây trụ đành thân lạnh-lèo,

Ngủ không an nên réo đêm trời.

Mắt nhìn cảnh thảm tuyết rơi ;

Mong sao chóng sáng để phơi lông này.

Kiên-trung NGUYỄN TRỌNG-BẢO dịch.

(1) Chúng tôi có đổi mất ý vài câu bên nguyên-văn để người mình ngâm-ngã cho đúng thể-cách An-Nam (V. T.).

### A une jeune morte

Comme on voit sur la branche au  
mois de Mai la rose,  
En sa première jeunesse, en sa pre-  
mière fleur,  
Rendre le ciel jaloux de sa riche  
couleur,  
Quand l'aube de ses pleurs au point  
du jour l'arrose,  
La grâce dans sa feuille et l'amour  
se repose,  
Embaumant les jardins et les arbres  
d'odeur;  
Languissante, elle meurt, feuille à  
feuille déclose.  
Ainsi en ta première et jeune nou-  
veauté,  
Quand la terre et le ciel honorait ta  
beauté,  
La Parque t'a tuée et cendre tu  
reposes.  
Pour obsèques reçois mes larmes et  
mes pleurs,  
Ce vase plein de lait, ce panier plein  
de fleurs,  
Afin que vif et mort, ton corps ne soit  
que roses.

RONSARD.

C'est une vie exquise, celle qui se maintient en ordre jusque en son privé. Chacun peut avoir part au batelage et représenter un honnête personnage en l'échafaud; mais au dedans et en sa poitrine, où tout nous est loisible, où tout est caché, — d'y être réglé, c'est le point.

MONTAIGNE.

### Tặng hồn một người mi-nhan chết trẻ

Thân ai như đóa hồng tươi,  
Đầu cành hôn-hở vui cười với xuân.  
Sáng ngày sương đọng chừa-phan,  
Như tô vẽ ngọc như thêm màu hồng.  
Thực là sắc thắm hương trong,  
Kém tươi trời cũng ra lòng ghét-ghen.  
Cách hoa man-mác tình-duyên,  
Hương thơm ngào-ngạt khắp miền cỏ cây.  
Nào hay mưa nắng đọa đầy,  
Hương tan nhị vỡ cánh bay toi-bời.  
Ấy ai sắc nước hương trời,  
Ngày vui trong chốn cõi đời chưa bao!  
Nước-non kính-mến má đào,  
Trời kia đất nọ biết bao nhiêu tình!  
Tử-thần vội nở cho đành,  
Năm xương mệnh bạc tan-tành khói mây.  
Thương ơi! trời thăm đất dày!  
Viếng ai một chút lòng này gửi ai.  
Gửi ai giọt lệ đầy vơi,  
Hồng-nhan sao khéo cợt người hồng-nhan.  
Bây giờ nguyệt khuất hoa tàn,  
Thân ai âu cũng như thân đóa hồng!

LONG-THƯỢNG lược-dịch

Ở đời mà biết « thân độc », — nghĩa là đối riêng với mình cũng giữ được nghiêm-chỉnh như đối với ngoài. — thời đời người tưởng cũng thú thay! Huyền-diệu người ngoài, ai cũng có thể làm được, và ra nơi sân khấu ai cũng có thể đóng vai quan-tử được; nhưng trong lòng, trong dạ mình, muốn sao chẳng được, người ngoài ai biết, thế mà giữ được cho có trật-tự chính-nghiêm, ấy mới khó, ấy mới tài!